

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 440/2019/QĐST-HNGĐ

An Phú, ngày 04 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 390/2019/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hoàng D, sinh năm 1982; nơi cư trú: số 346, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Ông La Tấn Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 346, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 25 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị Hoàng D và ông La Tấn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 20/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung:* Bà D và ông Đ thống nhất có 02 con chung tên:

1/ La Phạm Quốc H, sinh ngày 19/01/2005;

2/ La Cát T, sinh ngày 07/8/2009

Bà D tiếp tục nuôi dạy cháu H. Ông Đ được nuôi dạy cháu T. Bà D có nghĩa vụ giao cháu T cho ông Đ nuôi dạy.

Công nhận sự tự nguyện bà D, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D, ông Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

* *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D và ông Đ thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà D tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0011614 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà D được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Ông Đ không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND xã đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi